**Biểu số 6: BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM.........**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆPMSDN-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:  | *……, ngày ….. tháng….. năm…..*  |

**I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU**

1. Thông tin chung.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

- Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

2. Các quyết định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Thống kê các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Bảng số 1.

**BẢNG SỐ 1: CÁC QUYẾT ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số văn bản** | **Ngày** | **Nội dung***(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)* |
| 1 |   |   |   |
| 2 |   |   |   |
| 3 |   |   |   |
| ... |   |   |   |

**II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

1. Danh sách người quản lý doanh nghiệp: liệt kê thông tin cụ thể theo Bảng số 2.

**BẢNG SỐ 2: DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Trình độ chuyên môn** | **Kinh nghiệm nghề nghiệp** | **Các vị trí quản lý đã nắm giữ** |
| 1 |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |   |

2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người quản lý doanh nghiệp.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của từng người quản lý doanh nghiệp theo Bảng số 3.

**BẢNG SỐ 3: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Mức lương** | **Hệ số** | **Tiền lương/năm** | **Tiền thưởng, thu nhập khác** |
| 1 |   |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |   |   |
| .... |   |   |   |   |   |   |

3. Hoạt động của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản... theo Bảng số 4.

**BẢNG SỐ 4: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số văn bản** | **Ngày** | **Người ký, ban hành** | **Nội dung***(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)* |
| 1 |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |

**III. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Thông tin về Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

**BẢNG SỐ 5: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Trình độ chuyên môn** | **Chức vụ** | **Ngày bắt đầu là thành viên BKS** | **Tỷ lệ tham dự họp** |
| 1 |   |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |   |   |

2. Các báo cáo của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

**IV. BÁO CÁO KẾT LUẬN CỦA CƠ QUAN THANH TRA (nếu có)**

**V. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

1. Danh sách Người có liên quan của doanh nghiệp.

**BẢNG SỐ 6: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA DOANH NGHIỆP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tổ chức, cá nhân** | **Chức vụ (nếu có)** | **Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ** | **Thời điểm bắt đầu là người có liên quan** | **Thời điểm không còn là người có liên quan** | **Lý do không còn là người liên quan** |
| 1 |   |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |   |   |
| .... |   |   |   |   |   |   |

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

**BẢNG SỐ 7: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tổ chức, cá nhân** | **Thời điểm giao dịch** | **Nội dung giao dịch** | **Giá trị giao dịch** | **Số Nghị quyết/Quyết định của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1 |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |   |
| .... |   |   |   |   |   |

***Giải thích:***

(2): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(3): Thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;

(4): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay...);

(5): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..);

(6): Ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

**VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

- Tổng số lao động của doanh nghiệp (người):

- Mức lương trung bình người lao động/năm (triệu đồng):

- Tiền thưởng, thu nhập khác của người lao động/người/năm (triệu đồng):